

Hà Nội, ngày **15** tháng **12** năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM,

Tên tổ chức: Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội (HABECO)
Mã chứng khoán: BHN
Địa chỉ trụ sở chính: Số 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.38453843 Fax: 024.37223784
Người thực hiện CBTT: Ông **Bùi Trường Thắng** Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội công bố thông tin Phiếu lấy ý kiến, Dự thảo Nghị quyết và các tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 15/12/2021 tại đường dẫn: <http://www.habeco.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vth, VP.HĐQT

Tài liệu gửi kèm:

- Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Tờ trình;
- Tài liệu khác.



NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Bùi Trường Thắng



BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA -
RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Quý cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội sửa đổi lần thứ 5 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2021;

Căn cứ văn bản Trích Nghị quyết số 19a/TNQ-HĐQT-HABECO của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội ngày 19 tháng 11 năm 2021,

Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và việc ký kết Hợp đồng mua bán hàng năm với Công ty thương mại (Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO) có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng công ty (*Tờ trình kèm theo*).

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của HABECO theo danh sách ngày ĐKCC 10/12/2021 ;
- HĐQT;
- BKS;
- TGD;
- Phó TGD;
- Lưu VTh, VPHĐQT;



Trần Đình Thanh

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

I. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

- Tên gọi: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**
- Tên viết tắt: HABECO
- Trụ sở chính: Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, P.Ngọc Hà, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3845 3843 Fax: (84-24) 3722 3784
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101376672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/9/2020
- Vốn điều lệ: 2.318.000.000.000 đồng

II. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của HABECO (*Tờ trình gửi kèm*).
- Quyết định các vấn đề liên quan đến việc ký kết Hợp đồng mua bán hàng năm với Công ty thương mại (Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO) có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng Công ty (*Tờ trình gửi kèm, Dự thảo Hợp đồng được đăng tải trên website: Habeco.com.vn*).

III. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

1. Đối với cổ đông là cá nhân:

- Họ và tên:
- Quốc tịch:
- Số giấy tờ pháp lý (CMND/CCCD/Hộ chiếu):
- Địa chỉ thường trú:
- Địa chỉ liên lạc:.....
- Số cổ phần sở hữu:
- Số phiếu biểu quyết:

2. Đối với cổ đông là tổ chức:

- Tên tổ chức:.....
- Mã số doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Thông tin Người đại diện của cổ đông:
- + Họ và tên:
- + Quốc tịch:
- + Số giấy tờ pháp lý (CMND/CCCD/Hộ chiếu):
- + Địa chỉ liên lạc:.....
- Số cổ phần sở hữu (đại diện sở hữu):.....
- Số phiếu biểu quyết (đại diện sở hữu):.....

IV. VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN THÔNG QUA

Nội dung lấy ý kiến: *Như Mục II*

Hướng dẫn: *Phiếu Lấy ý kiến hợp lệ:*

- Là phiếu do Habeco phát hành và phải có **dấu đỏ** của Habeco;
- Đánh dấu chọn vào một trong ba ô vuông ;
- Phải có tên, chữ ký của cổ đông là cá nhân; tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền và dấu đối với cổ đông là tổ chức;
- Phiếu Lấy ý kiến phải được gửi trong phong bì dán kín và gửi về địa chỉ trụ sở Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo quy định.

V. PHƯƠNG ÁN LẤY Ý KIẾN

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của HABECO (phương án chi tiết theo Tờ trình gửi kèm):

TÁN THÀNH

KHÔNG TÁN THÀNH

KHÔNG CÓ Ý KIẾN

2. Quyết định ký kết Hợp đồng mua bán hàng năm với Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO (Hợp đồng có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng Công ty theo nội dung Hợp đồng mua bán kèm theo).

Giao Tổng Giám đốc tổ chức việc ký kết Hợp đồng nêu trên đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Tổng Công ty.

TÁN THÀNH

KHÔNG TÁN THÀNH

KHÔNG CÓ Ý KIẾN

VI. THỜI HẠN CỔ ĐÔNG GỬI PHIẾU Ý KIẾN

Đề nghị Quý Cổ đông gửi Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản này trong phong bì dán kín về Tổng Công ty trước 9h00 ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tính theo dấu bưu điện), theo địa chỉ sau:

Văn phòng Hội đồng quản trị

Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội

Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP. Hà Nội,

Điện thoại: (84-24) 3845 3843

Fax: (84-24) 3722 3784

VII. THỜI GIAN THỰC HIỆN KIỂM PHIẾU

Vào lúc 10h00' ngày 31 tháng 12 năm 2021

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021

Cổ đông

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trần Đình Thanh

Tổng Giám đốc

Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH*Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của HABECO*

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước Giải khát Hà Nội được sửa đổi lần thứ 05 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2021;

Căn cứ văn bản số 7183/BCT-TC của Bộ Công Thương ngày 12/11/2021 về việc thực hiện phân phối lợi nhuận Habeco năm 2020;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của HABECO như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	625.347.685.547
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020	625.347.685.547
1	Trích lập các quỹ Công ty mẹ	72.002.096.529
1.1	Quỹ đầu tư phát triển	-
1.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ	70.952.247.348
1.3	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.049.849.181
1.4	Quỹ an sinh xã hội (1% LNST)	-
2	Trả cổ tức năm 2020	551.684.000.000
-	Tỷ lệ chi trả (%)	23,80%
3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.661.589.018

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VTh, VP HĐQT.

**Trần Đình Thanh**

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty thương mại

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước Giải khát Hà Nội được sửa đổi lần thứ 05 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét nội dung sau:

Căn cứ Điều 32 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty thì Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền:

(i) *Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO đã được kiểm toán (Điểm e, Khoản 2 Điều 32 Điều lệ);*

(ii) *Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa công ty với một trong các đối tượng sau:*

- *Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;*

- *Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;*

- *Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp (Điểm l, Khoản 2 Điều 32 Điều lệ).*

Ngoài ra, theo quy định tại Khoản 3 Điều 69 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty thì Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận Hợp đồng quy định tại điểm (ii) nêu trên.

Trên thực tế, hàng năm, Tổng công ty vẫn triển khai ký Hợp đồng với các Công ty thương mại (Công ty TNHH MTV thương mại HABECO, Công ty Cổ phần thương mại Bia Hà Nội, Công ty TNHH MTV thương mại Habeco Miền Trung, Công ty Cổ phần Bia-Rượu- Nước giải khát Hà Nội- Quảng Ninh) có nhiệm vụ triển khai hoạt động kinh doanh các sản phẩm bia chai, bia lon, bia hơi mang thương hiệu của HABECO trên thị trường.

Trong đó, riêng giá trị Hợp đồng ký kết hàng năm với Công ty TNHH MTV thương mại Habeco là lớn (trên 35% tổng tài sản của Tổng công ty), thuộc loại Hợp đồng, giao dịch cần được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Do vậy, để triển khai việc ký Hợp đồng mua bán của Tổng Công ty với Công ty TNHH MTV thương mại Habeco theo đúng quy định pháp luật, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông để xem xét chấp thuận các nội dung sau:

- Quyết định ký kết Hợp đồng mua bán hàng năm với Công ty TNHH MTV thương mại Habeco (Hợp đồng có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của HABECO gần nhất đã được kiểm toán theo nội dung Hợp đồng mua bán kèm theo).

- Giao Tổng Giám đốc tổ chức việc ký kết Hợp đồng nêu trên đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VTh, VP HĐQT.



Trần Đình Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số:

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Thương mại 2005 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai Bên,

Hôm nay, ngày tháng năm , tại 183 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên bán (Bên A):

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, P. Ngọc Hà, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : 024.38453843 / 38463378 Fax: 024.38464549

Tài khoản số : 1500 311 000 006

Ngân hàng : Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Hà Nội

Mã số thuế : 0101376672

Đại diện : Ông Trần Thuận An Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 128/GUQ- HABECO ngày 17/05/2021 của Tổng Giám đốc)

Bên mua (Bên B): CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI HABECO

Địa chỉ : Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, P. Ngọc Hà, Q.Ba Đình, Tp Hà Nội.

Tài khoản số :

Ngân hàng :

Điện thoại : Fax:.....

Mã số thuế : 0104068531

Đại diện : Chức vụ:.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa với các nội dung và điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

1.1. Bên A bán sản phẩm cho Bên B và Bên B tổ chức kinh doanh, tiêu thụ các sản phẩm của Bên A từ ngày..... đến hết ngày....., theo số lượng quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này.

1.2. Trong trường hợp cần thiết, hai Bên có thể thỏa thuận điều chỉnh lại số lượng. Việc điều chỉnh phải được thể hiện bằng Phụ lục Hợp đồng.

Điều 2: Quy cách, chất lượng hàng hóa

Các sản phẩm của Bên A bán cho Bên B có tiêu chuẩn chất lượng theo bản công bố trên Trang web: <https://www.habeco.com.vn/> của Bên A.

Điều 3: Giá bán

3.1. Giá bán các sản phẩm của Bên A cho Bên B nêu tại **Phụ lục 02** của Hợp đồng này. Giá bán này không bao gồm giá trị vỏ chai thủy tinh, két nhựa và pallet.

3.2. Khi có thay đổi về giá bán, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B tối thiểu 15 ngày trước khi giá mới có hiệu lực. Giá mới sẽ được hai Bên thống nhất thực hiện thông qua Phụ lục Hợp đồng.

3.3. Giá bán của Bên B cho khách hàng không được chênh lệch vượt quá tỷ lệ (%) quy định tại các văn bản Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành so với giá bán của Bên A cho Bên B. Trong trường hợp giá bán của Bên B chênh lệch lớn hơn tỷ lệ (%) quy định tại các văn bản Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành so với giá bán của Bên A cho Bên B thì Bên B chịu toàn bộ nghĩa vụ về thuế cũng như các nghĩa vụ khác liên quan đến phần giá tăng thêm đó.

Điều 4: Phương thức thanh toán

Bên A áp dụng các hình thức thanh toán như sau:

- Hình thức thanh toán tiền ngay: Bên B thanh toán 100% giá trị hàng hóa trước khi nhận hàng.
- Hình thức thanh toán chậm trả: quy định tại Phụ lục Hợp đồng (nếu có).

Tiền hàng thanh toán được chuyển khoản vào tài khoản của Bên A hoặc bù trừ công nợ giữa hai Bên.

Thông tin tài khoản của Bên A như sau:

Chủ tài khoản: Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội.

1. Tài khoản số: 1500 311 000 006 tại Ngân hàng: Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

Hoặc:

2. Tài khoản số: 1010662589 tại Ngân hàng: TMCP Sài Gòn- Hà Nội, Chi nhánh Thăng Long.

Điều 5: Địa điểm và phương thức giao nhận, bốc dỡ:

5.1. Phương thức giao nhận:

5.1.1. Sau khi nhận được đơn đặt hàng của Bên B và đảm bảo đủ điều kiện về thanh toán, Bên A thực hiện việc giao hàng cho Bên B.

Việc xuất hàng từ mỗi kho của Bên A đảm bảo nguyên tắc nhập trước - xuất trước.

5.1.2. Bên A giao hàng trực tiếp cho Bên B tại kho của Bên A hoặc thông qua đơn vị vận tải được Bên A ủy quyền giao nhận tại kho của Bên B. Bên A có trách nhiệm yêu cầu đơn vị vận tải thông báo cho Bên B hoặc khách hàng của Bên B thời điểm có thể giao hàng trong vòng 12 tiếng trước khi giao hàng.

5.1.3. Trong trường hợp các kho của Bên B, kho của Khách hàng cấp 1/Nhà phân phối không nhận hàng hoặc các kho của Bên A không xuất hàng vào các ngày Chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước, mà Bên A vẫn mong muốn giao hàng hoặc Bên B vẫn mong muốn nhận hàng vào các ngày kể trên thì phải có sự thống nhất của hai Bên.

5.1.4. Tại kho Khách hàng cấp 1/Nhà phân phối/ Kho của Bên B: Thời gian bắt đầu giao hàng trong ngày từ 6 giờ 30 phút sáng, chuyển giao hàng cuối cùng trong ngày đến kho muộn nhất lúc 16 giờ. Việc bốc xếp hàng xuống, bốc xếp vỏ chai, kết lên phải được thực hiện kịp thời trong thời hạn tối đa (kể từ thời điểm xe vận tải đến kho của Khách hàng cấp 1/Nhà phân phối/ Kho của Bên B) cụ thể như sau:

- Đối với vận chuyển bằng pallet cần giải phóng phương tiện trong vòng 2 giờ (giờ bốc xếp hàng thành phẩm và vỏ chai kết lên xuống).

- Đối với vận chuyển bằng kết rời cần đảm bảo thời gian bốc xếp bia thành phẩm và vỏ chai kết cho các chuyến hàng của đơn vị vận tải theo đúng thời gian như sau:

+ Đối với xe 300 kết bia chai (hoặc quy tương đương)/ chuyển: giải phóng phương tiện trong vòng 2 giờ (bốc xếp hàng thành phẩm và vỏ chai kết lên xuống).

+ Đối với xe trên 300 kết bia chai đến 1.100 kết bia chai (hoặc quy tương đương)/chuyển: giải phóng phương tiện trong 3 giờ (bốc xếp hàng thành phẩm và vỏ chai kết lên xuống).

+ Đối với xe trên 1.100 kết bia chai/chuyển (hoặc quy tương đương): giải phóng phương tiện trong 04 giờ (bốc xếp hàng thành phẩm và vỏ chai kết lên xuống).

Lưu ý: đối với xe chỉ chở hàng thành phẩm không chở vỏ chai kết, thời hạn tối đa giải phóng phương tiện bằng 50% thời hạn giải phóng phương tiện chở hàng thành phẩm và vỏ chai kết chiều về tải trọng tương ứng.

5.1.5. Bên B ủy quyền cho Khách hàng cấp 1/Nhà phân phối làm các thủ tục nhập kho, xuất kho, luân chuyển hoá đơn, chứng từ với Bên A theo đúng quy trình đã quy định giữa hai Bên;

5.1.6. Bên B (hoặc những đơn vị được ủy quyền của Bên B) có trách nhiệm kiểm nhận số lượng, quy cách hàng hóa tại nơi giao hàng. Nếu phát hiện hàng thiếu, xỉ vỡ, hoặc không đúng quy cách thì Bên B phải tiến hành lập biên bản tại chỗ yêu cầu

Bên A/Bên giao hàng theo ủy quyền của Bên A cùng xác nhận và fax/gửi cho Bên A xử lý trong thời hạn 07 ngày làm việc;

5.1.7. Bên A không chịu trách nhiệm về mọi trường hợp thiếu hụt phát sinh trong quá trình lưu kho, bảo quản và xuất nhập hàng tại kho Bên B, kho của Khách hàng cấp 1/Nhà phân phối.

5.1.8. Trong trường hợp có phát sinh về vận chuyển do Bên B tổ chức và được hỗ trợ từ Bên A thì sẽ được bổ sung bằng Phụ lục Hợp đồng.

5.2. Vận chuyển, bốc dỡ sản phẩm và vỏ chai kết trong quá trình giao nhận

5.2.1. Bên A chịu trách nhiệm và trả chi phí:

a. Vận chuyển sản phẩm tới các kho/chi nhánh của Bên B, kho Khách hàng cấp 1/Nhà phân phối của Bên B & Vận chuyển vỏ chai kết, Pallet từ kho của Bên B, kho của Khách hàng cấp 1/Nhà phân phối về kho của Bên A (nếu trường hợp Bên A vận chuyển trực tiếp cho Bên B)

b. Bốc xếp từ kho của Bên A lên phương tiện vận tải và từ phương tiện vận tải xuống kho của Bên A.

5.2.2. Bên B chịu trách nhiệm và trả chi phí :

a. Bốc xếp thành phẩm và vỏ chai kết lên/xuống phương tiện vận tải của Bên A tại kho của Bên B;

b. Bên B ký Hợp đồng để Khách hàng cấp 1/ Nhà phân phối của Bên B bốc xếp thành phẩm và vỏ chai kết lên/xuống phương tiện vận tải của Bên A tại kho của Khách hàng cấp 1/Nhà phân phối.

c. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm và thực hiện chi trả các chi phí phát sinh nếu có như: đơn vị vận tải bị phạt do đi vào đường cấm, xe vận tải không phù hợp với cung đường phải quay về hoặc đổi hướng do Bên B có sai sót trong quá trình lập phiếu khảo sát Khách hàng cấp 1/ Nhà phân phối; thời gian bốc xếp quá thời hạn quy định bị Bên A hoặc đơn vị vận tải được Bên A ủy quyền lập Biên bản xác nhận thời gian giao nhận hàng hóa có hoặc không có xác nhận của Khách hàng cấp 1/ Nhà phân phối/ Đại diện kho nhận hàng của Bên B (kèm theo bằng chứng chứng minh). Phí chờ giao hàng là 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng) cho mỗi giờ vượt quá thời hạn quy định.

5.3. Địa điểm nhận hàng của Bên B: Trong trường hợp có sự thay đổi địa điểm nhận hàng, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A bằng văn bản và Bên A sẽ xử lý và trả lời bằng văn bản cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý nhận được văn bản của Bên B.

5.4. Đóng tiền bảo đảm, đổi vỏ chai, kết nhựa:

5.4.1. Bên B thực hiện đóng tiền bảo đảm (sau đây gọi là tiền cọc) cho vỏ chai, kết nhựa của Bên A trước khi lấy hàng.

5.4.2. Quy định về việc đóng tiền cọc, hình thức cọc và tỷ lệ đổi vỏ chai kết được thực hiện theo **Phụ lục 03** của Hợp đồng này.

Điều 6: Vùng tiêu thụ và tổ chức hệ thống bán hàng và phân phối sản phẩm

6.1. Bên B có trách nhiệm tổ chức hệ thống tiêu thụ các sản phẩm nhận bao tiêu từ Bên A tại toàn bộ thị trường từ tỉnh Ninh Bình trở ra các tỉnh phía Bắc (không bao gồm địa phận tỉnh Quảng Ninh) và được gọi là “Vùng tiêu thụ”. Việc mở rộng hoặc thu hẹp Vùng tiêu thụ (nếu có) sẽ được các Bên xem xét trong trường hợp cần thiết và thể hiện bằng Phụ lục Hợp đồng.

6.2. Bên B có trách nhiệm trong việc lựa chọn, ký Hợp đồng/thỏa thuận với các đối tác bán hàng để (1) Bán và tiêu thụ sản phẩm đến người tiêu dùng; (2) Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng và phát triển thị trường theo kế hoạch.

6.3. Theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu từ Bên A, Bên B có trách nhiệm gửi danh sách các thành viên trong hệ thống tiêu thụ mà Bên B đang quản lý.

6.4. Vi phạm vùng tuyến và Chế tài xử lý vi phạm vùng tuyến:

6.4.1. Vi phạm vùng tuyến được hiểu là các sản phẩm của Bên A bán cho Bên B theo Hợp đồng này bị phát hiện được bán tại các đơn vị/tổ chức kinh doanh/hộ kinh doanh/doanh nghiệp kinh doanh, cửa hàng, điểm bán, nhà hàng, siêu thị...ở ngoài vùng tiêu thụ (hoặc tại khu vực không do Bên B được quyền phân phối) được quy định tại khoản 6.1 của Điều này.

6.4.2. Chế tài xử lý vi phạm vùng tuyến:

Trong trường hợp vi phạm vùng tuyến, Bên B sẽ bị áp dụng chế tài xử lý như sau:

6.4.2.1. Phát hiện lần thứ 1: Ngay khi nhận được Thông báo vi phạm của Bên A, Bên B, bằng chi phí của mình phải thu hồi toàn bộ sản phẩm lấn vùng trên thị trường vi phạm.

6.4.2.2. Đối với các lần phát hiện từ lần thứ 2 trở đi: Bên B có trách nhiệm thu hồi sản phẩm bán lấn vùng như quy định tại điểm 6.4.2.1 của điều này, và nộp phạt cho Bên A 50 triệu đồng.

6.4.2.3. Thứ tự lần phát hiện được tính theo trình tự thời điểm Bên A có các bằng chứng và thông báo cho Bên B về việc vi phạm vùng tuyến của Bên B.

6.4.2.4. Một lần phát hiện được hiểu là một vụ việc về bán lấn vùng được phát hiện tại một điểm bán tại một thời điểm nhất định. Thứ tự lần phát hiện được tính theo trình tự thời điểm Bên A có các bằng chứng và thông báo cho Bên B về việc vi phạm vùng tuyến của Bên B.

6.4.2.5. Trường hợp sản phẩm do Bên A bán cho Bên B theo Hợp đồng này được phát hiện ở ngoài Vùng tiêu thụ sau ngày..... – hết thời gian thực hiện của Hợp

đồng này thì Bên B vẫn có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Hợp đồng này và chịu các chế tài quy định tại điểm 6.4.2.1 và 6.4.2.2 của Điều này.

Điều 7. Sử dụng các dấu hiệu nhận diện thương hiệu của Bên A

7.1. Bên A cho phép Bên B sử dụng và Bên B có nghĩa vụ sử dụng các dấu hiệu nhận diện thương hiệu của Bên A theo tiêu chuẩn và hướng dẫn của Bên A.

7.2. Bên A có quyền yêu cầu Bên B ngừng sử dụng toàn bộ hoặc một phần các dấu hiệu nhận diện của Bên A nếu Bên A phát hiện những dấu hiệu nhận diện đó không được sử dụng đúng theo hướng dẫn.

7.3. Mọi sự thay đổi về dấu hiệu nhận diện thương hiệu sẽ được Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản.

Điều 8: Trang bị biển hiệu và các vật dụng quảng cáo:

8.1. Bên B có quyền đề nghị với Bên A để trang bị biển hiệu và vật dụng quảng cáo cho các thành viên trong hệ thống tiêu thụ.

8.2. Bên B có trách nhiệm cấp phát, trang bị các vật dụng quảng cáo (trong trường hợp Bên A cung cấp) cho các thành viên trong hệ thống tiêu thụ theo nhu cầu của Bên B.

Bên B chủ động trang bị biển hiệu và vật dụng quảng cáo cho các thành viên trong hệ thống tiêu thụ bằng ngân sách của mình.

Điều 9: Sử dụng nhân viên tiếp thị và nhân viên kinh doanh

9.1. Bên B chủ động trong việc sử dụng nhân viên tiếp thị và nhân viên kinh doanh về số lượng, chế độ, chính sách áp dụng.

9.2. Chi phí để trả cho việc sử dụng nhân viên kinh doanh và nhân viên tiếp thị do Bên B chi trả. Trong trường hợp Bên A hỗ trợ chi trả một phần hoặc toàn bộ thì hai Bên sẽ thống nhất bằng văn bản.

9.3. Trong trường hợp nhân viên tiếp thị hoặc nhân viên kinh doanh được Bên A thuê trực tiếp hoặc qua các đơn vị cung cấp dịch vụ để thực hiện hiện các công việc trong hệ thống phân phối thì Bên B có trách nhiệm toàn bộ hoặc phối hợp với Bên A và đơn vị cung cấp dịch vụ (nếu có) để quản lý, giám sát và kiểm tra.

Điều 10: Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng và phát triển thị trường.

10.1. Nhằm mục đích hỗ trợ Bên B trong công tác bán hàng, xây dựng hệ thống bán hàng, thúc đẩy các chương trình xúc tiến thương mại, qua đó tăng sản lượng tiêu thụ, doanh số bán hàng của Bên A, Bên A sẽ hỗ trợ chi phí hoạt động bán hàng cho Bên B. Nội dung hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, chi phí hỗ trợ, cách thức hỗ trợ (nếu có) sẽ được Hai bên thỏa thuận bằng các Phụ lục Hợp đồng đi kèm.

10.2. Bên B phải chủ động triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, chương trình bán hàng và phát triển thị trường cho các sản phẩm của Bên A. Khi thực hiện các

chương trình xúc tiến thương mại, Bên B phải tuân thủ chiến lược phát triển sản phẩm của Bên A, không được cạnh tranh không lành mạnh với các sản phẩm của Bên A và thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10.3. Trong trường hợp Bên B ứng trước chi phí để thực hiện một phần hoặc toàn bộ một hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng và phát triển thị trường theo yêu cầu của Bên A thì Bên B sẽ được Bên A hoàn trả chi phí trả thay đó dựa trên các chứng từ trả thay đúng quy định do Bên B cung cấp và khoản phí hỗ trợ (nếu có) tùy thuộc vào quy mô của từng chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ khách hàng theo quyết định của Bên A.

10.4. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng hai Bên có thể bàn bạc về các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng và phát triển thị trường do Bên A thực hiện. Các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng do Bên A thực hiện có liên quan tới Bên B và liên quan tới Hợp đồng này sẽ được thể hiện bằng Phụ lục Hợp đồng.

10.5. Đối với các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ bán hàng và phát triển thị trường được thực hiện theo yêu cầu và bằng chi phí của Bên A, thì tùy theo từng hoạt động mà Bên B thay mặt Bên A chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn các thành viên trong hệ thống phân phối triển khai một phần hoặc toàn bộ hoạt động theo đúng yêu cầu của Bên A. Khi đó trách nhiệm và cách thức phối hợp giữa hai Bên sẽ được nêu cụ thể bằng văn bản.

10.6. Đối với nguồn hỗ trợ của Bên A, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Bên A về hồ sơ chứng từ thanh toán.

Điều 11: Trách nhiệm bảo mật đối với các thông tin mật do Bên A cung cấp

Bên B có trách nhiệm và hướng dẫn các thành viên trong hệ thống tiêu thụ bảo mật các thông tin mật do Bên A cung cấp. Các thông tin mật và mức độ bảo mật được Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản.

Điều 12: Trách nhiệm và quyền của Bên A

12.1 Trách nhiệm của Bên A:

12.1.1. Xác nhận và thực hiện kế hoạch giao sản phẩm theo Đơn đặt hàng của Bên B. Trường hợp thay đổi về số lượng, thời gian so với đơn đặt hàng của Bên B, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản vào ngày làm việc đầu tiên hàng tuần đối với đơn đặt hàng theo tuần, trước ngày 15 hàng tháng đối với đơn đặt hàng theo tháng; trước ngày đầu tiên của quý đối với đơn đặt hàng theo quý;

12.1.2. Đối với từng loại sản phẩm được sản xuất từ mỗi cơ sở sản xuất khi chuyển tới các kho của Bên B phải đảm bảo theo nguyên tắc sản xuất trước – xuất trước;

12.1.3. Đảm bảo quy cách, chất lượng toàn bộ sản phẩm bán cho Bên B theo đúng như Điều 2 của Hợp đồng này;

12.1.4. Tiếp nhận và xử lý các sản phẩm sai lỗi hoặc các khiếu nại về chất lượng sản phẩm từ phía khách hàng và người tiêu dùng;

12.1.5. Thông báo cho Bên B và người tiêu dùng mọi thay đổi về sản phẩm gồm kiểu dáng, mẫu mã, màu sắc, bao bì, nhãn mác;

12.1.6. Đổi vỏ chai két hông cho Bên B theo tỉ lệ 1:1 (nếu là vỏ chai két của Bên A);

12.1.7. Hỗ trợ vận chuyển sản phẩm cận date theo đề xuất của Bên B. Sản phẩm cận date được hiểu là sản phẩm có thời gian sử dụng còn lại bằng tối đa 1/3 thời hạn sử dụng (thời gian kể từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn sử dụng).

12.1.8. Các trách nhiệm khác theo quy định tại Hợp đồng này.

12.2 Quyền của Bên A:

12.2.1. Chủ động trong việc:

- Điều chỉnh quy cách và mẫu mã sản phẩm;
- Điều chỉnh chính sách thúc đẩy bán hàng, quảng bá sản phẩm, thương hiệu các sản phẩm do Bên A cung cấp;

12.2.2. Gửi thành phẩm, vỏ chai, két nhựa và Pallet tại kho của Bên B tùy theo năng lực kho của Bên B khi cần thiết.

12.2.3. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 13: Trách nhiệm và quyền của Bên B

13.1. Trách nhiệm của Bên B:

13.1.1. Gửi đơn đặt hàng theo quý, tháng, tuần, ngày cho Bên A. Thời hạn để Bên B chuyển các đơn đặt hàng cho Bên A là trước ngày 15 của tháng kết thúc quý cho đơn đặt hàng của quý kế tiếp; trước ngày 12 hàng tháng cho đơn đặt hàng của tháng kế tiếp; trước 11h00 ngày thứ 6 hàng tuần cho đơn đặt hàng của tuần kế tiếp. Khi có bất kỳ thay đổi gì về số lượng hàng đặt, Bên B phải có thông báo trước 15 ngày (đối với kế hoạch tháng) và sản lượng điều chỉnh sẽ phụ thuộc vào mức độ cân đối theo khả năng cung cấp của Bên A; trước 24h (đối với kế hoạch tuần, kế hoạch bổ sung ngày) so với thời điểm dự kiến giao hàng bằng văn bản để Bên A biết, cân đối sản xuất, vận tải, bốc xếp và báo lại cho Bên B. Việc lập nhu cầu vận chuyển theo từng đơn hàng được thực hiện theo đúng quy định Bên A ban hành tại Hướng dẫn lập, theo dõi thực hiện kế hoạch vận chuyển (Mã hiệu HD.04/KH).

13.1.2. Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ số lượng chai, két đã cược với Bên A. Trước ngày 10 hàng tháng (sau khi có kết quả đối chiếu giữa Bên A với Bên B) báo cáo đầy đủ cho Bên A về tình hình sử dụng, nhập - xuất - tồn chai két tại các chi nhánh, kho của Bên B tháng liền trước đó, đồng thời có trách nhiệm làm rõ mọi sai lệch (nếu có);

13.1.3. Báo cáo tình hình xuất - nhập - tồn vỏ chai két bia thành phẩm các loại trong tại tất cả kho của Bên B trong ngày làm việc hôm trước trước 8h sáng ngày làm việc hôm sau.

13.1.4. Chịu trách nhiệm lưu kho, bảo quản sản phẩm theo đúng quy cách do Bên A đưa ra theo quy định về điều kiện nhà kho và lưu trữ bia thành phẩm (Mã hiệu QC.05/KT). Trong quá trình nhập - xuất mỗi sản phẩm tại các kho, chi nhánh phải đảm bảo nguyên tắc nhập trước xuất trước. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường toàn bộ tổn thất (nếu có) trong trường hợp không tuân thủ đúng quy trình bảo quản, nguyên tắc xuất - nhập gây ảnh hưởng đến chất lượng, uy tín sản phẩm và tổn hại đến thương hiệu của Bên A;

13.1.5. Chịu trách nhiệm xử lý các sản phẩm cận date (nếu có) lưu thông trên thị trường.

13.1.6. Thực hiện đúng các chương trình, chính sách thúc đẩy bán hàng, xúc tiến thương mại theo kế hoạch được phê duyệt, văn bản hướng dẫn, yêu cầu thực hiện của Bên A (nếu có).

13.1.7. Bố trí địa điểm, kho bãi, Pallet và lao động đảm bảo nhận hàng theo đúng đơn đặt hàng đã được xác nhận của Bên A;

13.1.8. Tập hợp vỏ chai, két bị hỏng định kỳ theo quý và theo điểm 12.1.6 để đổi cho Bên A theo quy định (đối với các vỏ chai, két cạy với Bên A);

13.1.9. Tổ chức thu hồi các sản phẩm sai lỗi, đồng thời phối hợp với Bên A để xử lý;

13.1.10. Thống nhất với Bên A bằng văn bản đối với tất cả các chính sách, chương trình và hoạt động có liên quan đến chi phí cho quá trình tiêu thụ sản phẩm và phát triển thương hiệu do Bên A cung cấp;

13.1.11. Thanh toán kịp thời tiền hàng hoặc/và tiến hành đối chiếu, bù trừ công nợ cho Bên A theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này;

13.1.12. Cung cấp thông tin, tài liệu mà Bên A yêu cầu và hỗ trợ Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát các chương trình, hoạt động và chính sách tiêu thụ, thúc đẩy bán hàng và phát triển thương hiệu sản phẩm Bên A cung cấp;

13.1.13. Thông báo cho Khách hàng và người tiêu dùng mọi thay đổi về sản phẩm gồm kiểu dáng, mẫu mã, màu sắc, bao bì, nhãn mác theo nội dung Bên A đã cung cấp.

13.1.14. Nhận và bảo quản sản phẩm, vỏ chai, két nhựa và Pallet do Bên A gửi tại các kho.

13.1.15. Phối hợp với Bên A trong việc triển khai thực hiện hệ thống quản trị Doanh nghiệp (ERP) của Bên A và truy xuất nguồn gốc sản phẩm khi Bên A yêu cầu.

13.1.16. Các trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng này.

13.2. Quyền của Bên B:

13.2.1. Trong quá trình nhận hàng, nếu cùng một loại hàng hóa sản xuất bởi một đơn vị mà khi so sánh với lô hàng đã nhận trước đó hạn sử dụng của sản phẩm không đảm bảo nguyên tắc sản xuất trước - xuất trước, thì có quyền từ chối không nhận hàng

hoặc vẫn nhận và lập biên bản xác nhận. Trong trường hợp lô hàng đó ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thụ của Bên B thì Bên A phải chịu chi phí hỗ trợ ngoài kế hoạch đã duyệt;

13.2.2. Đề xuất Bên A các chính sách, chương trình và hoạt động phân phối, tiếp thị, quảng bá sản phẩm và thương hiệu do Bên A cung cấp;

13.2.3. Yêu cầu Bên A nhanh chóng giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến hàng hóa do Bên A cung cấp.

13.2.4. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 14: Báo cáo, giám sát và kiểm tra trong quá trình thực hiện Hợp đồng

14.1. Bên A có quyền tiến hành các hoạt động giám sát và kiểm tra đối với Bên B về:

14.1.1. Tồn kho sản phẩm và vỏ chai kết, Pallet tại kho của Bên B;

14.1.2. Quá trình lưu kho và bảo quản sản phẩm do Bên A cung cấp tại kho của Bên B;

14.1.3. Triển khai các chương trình, hoạt động và chính sách trong phân phối, thúc đẩy bán hàng và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm Bên A cung cấp;

14.1.4. Sổ sách, kho tàng của Bên B liên quan đến việc kinh doanh hàng hóa do Bên A cung cấp.

14.2. Bên B có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của Bên A về các thông tin sau:

14.2.1. Số lượng hàng tồn kho, số lượng nhập hàng và kết quả tiêu thụ của Nhà Phân phối, Khách hàng cấp 1 đối với từng loại sản phẩm do Bên A cung cấp tại từng khu vực thị trường;

14.2.2. Tồn kho từng loại sản phẩm do Bên A cung cấp cho Bên B;

14.2.3. Các chính sách, chương trình, hoạt động, sự phát triển về sản lượng và thương hiệu của đối thủ cạnh tranh trực tiếp với các sản phẩm mà Bên A cung cấp trên từng khu vực thị trường;

14.2.4. Tiến độ thực hiện, kết quả và hiệu quả các chương trình, hoạt động thúc đẩy bán hàng và quảng bá thương hiệu sản phẩm do Bên A cung cấp đã và đang thực hiện;

14.2.5. Danh sách các Nhà Phân phối, Khách hàng cấp 1 được cập nhật và phân theo khu vực thị trường bao gồm đầy đủ các thông tin: Tên Nhà phân phối/Khách hàng cấp 1, địa chỉ, người đại diện, số điện thoại liên lạc, khu vực thị trường phục vụ, số khách hàng cấp 2 hiện có...;

14.2.6. Đảm bảo việc lưu trữ, cung cấp, cấp quyền tiếp cận và truy cập cho Bên A đối với các dữ liệu, thông tin liên quan đến việc kinh doanh các sản phẩm của Bên A theo Hợp đồng này.

14.2.7. Các thông tin khác có liên quan đến việc kinh doanh khi Bên A yêu cầu.

Điều 15: Hiệu lực của Hợp đồng và xử lý tranh chấp

15.1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày.....đến hết ngày.....;

15.2. Khi hết hiệu lực, hai Bên đối chiếu và lập biên bản thanh lý Hợp đồng;

15.3. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng này. Trường hợp phát sinh khác không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc và thống nhất thông qua các văn bản hoặc bằng Phụ lục của Hợp đồng này;

15.4. Nếu phát sinh tranh chấp các Bên phải tiến hành thương lượng để giải quyết. Chỉ khi các Bên không đạt được thỏa thuận để giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng thì một trong các Bên mới có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam và quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng;

15.5. Mọi quy định khác ngoài các điều khoản trong Hợp đồng này được áp dụng theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành;

Hợp đồng này được làm thành bốn (04) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản.

BÊN A

BÊN B

Phụ lục 01 - Hợp đồng số..... ký ngày.....

ĐƠN ĐẶT HÀNG DỰ KIẾN NĂM.....

1. Đơn đặt hàng dự kiến năm

STT	Sản phẩm	Sản lượng (Đơn vị tính: lít)
1	Bia Hà Nội Chai 450ml	
2	Bia Hà Nội 1890 Chai 330ml	
3	Bia Hà Nội Lon 330ml	
4	Hanoi Beer Premium Chai 330ml	
5	Hanoi Beer Premium Lon 330ml	
6	Bia Hơi Hà Nội 500ml	
7	Trúc Bạch Chai 330ml	
8	Trúc Bạch Lon 330ml	
9	Bia Hà Nội Lon Xanh 330ml	
10	Hanoi Bold Chai 355ml	
11	Hanoi Bold Lon 330ml	
12	Hanoi Light Chai 355ml	
13	Hanoi Light Lon 330ml	
	Tổng Cộng Các Loại Bia	
14	Nước uống đóng chai UniAqua 350ml	
15	Nước uống đóng chai UniAqua 500ml	
	Tổng Cộng Nước Tinh Lọc	
	Tổng Sản Lượng	

Ghi chú: Số lượng từng loại có thể được hai Bên điều chỉnh theo quy định tại khoản 1.1- Điều 1 của Hợp đồng.

2. Phụ lục này có hiệu lực từ ngày.....

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số..... ngày.....và được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản.

BÊN A

BÊN B

Phụ lục 02 - Hợp đồng số.....ký ngày.....

ĐƠN GIÁ

1. Đơn giá sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Giá bán (Đồng)	Thuế VAT (10%) (Đồng)	Giá thanh toán (Đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)
1	Bia Hà Nội Lon 330ml (24 lon/hộp)	Hộp			
2	Bia Hà Nội Lon xanh 330ml (24 lon/hộp)	Hộp			
3	Bia Hà Nội Chai 450ml (20 chai /két)	Két			
4	Bia Hà Nội Chai Xanh 330ml (20 chai/két)	Két			
5	Hanoi Beer Premium Chai 330ml (24 chai/két)	Két			
6	Hanoi Beer Premium Chai 330ml (20 chai/két)	Két			
7	Hanoi Beer Premium Lon 330ml (24 lon/hộp)	Hộp			
8	Hanoi Beer Premium Lon 330ml (6 lon/ xách)	Xách			
9	Trúc Bạch Chai 330ml (24 chai/két)	Két			
10	Trúc Bạch Lon 330ml (24 lon/hộp)	Hộp			
11	Trúc Bạch Lon 330ml (6 lon/xách)	Xách			
12	Trúc Bạch Lon 500ml (12 lon/hộp)	Hộp			
13	Trúc Bạch Lon 500ml (6 lon/hộp)	Hộp			
14	Hanoi Bold Chai 355ml (20chai/két)	Két			
15	Hanoi Light Chai 355ml (20chai/két)	Két			

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Giá bán (Đồng)	Thuế VAT (10%) (Đồng)	Giá thanh toán (Đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)
16	Hanoi Bold Lon 330ml (24 lon/hộp)	Hộp			
17	Hanoi Light Lon 330ml (24 lon/hộp)	Hộp			
18	Bia Hà Nội 1890 Chai 330ml (20 chai/két)	Két			
19	Bia Hơi Hà Nội 1 lít (6 chai/xách)	Xách			
20	Bia Hơi Hà Nội 500ml (6 lon/xách)	Xách			
21	Bia Hơi Hà Nội 500ml (24 lon/hộp có màng co)	Hộp			
22	Bia Hơi Hà Nội 500ml (24 lon/hộp không màng co)	Hộp			
23	Nước uống đóng chai UniAqua (24 chai 500ml/hộp)	Hộp			
24	Nước uống đóng chai UniAqua (24 chai 350ml/hộp)	Hộp			

Ghi chú: Giá bán trên không bao gồm giá trị vỏ chai, két nhựa và Pallet.

2. Phụ lục này có hiệu lực từ ngày.....

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số.....ngày.....và được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản.

BÊN A

BÊN B

Phụ lục 03 - Hợp đồng số.....ký ngày.....

PHƯƠNG THỨC VÀ ĐƠN GIÁ CƯỢC, XUẤT BÁN VỎ CHAI KẾT

1. Đơn giá cược vỏ chai, kết nhựa được xác định như sau:

Chủng loại	Đơn giá		
	Vỏ chai (VNĐ/cái)	Kết nhựa (VNĐ/cái)	Vỏ chai kết đồng bộ (VNĐ/bộ)
Bia Hà Nội chai 450ml (20 chai/kết)			
Bia Hà Nội nhãn xanh Chai 450ml (20 chai/kết)			
Hanoi Beer Premium Chai 330ml (24 chai/kết)			
Hanoi Beer Premium Chai 330ml (20 chai/kết)			
Trúc Bạch Chai 330ml (24 chai/kết)			
Bia Hà Nội Chai Xanh 330ml (20 chai/kết)			
Hanoi Bold Chai 355ml (20 chai/kết)			
Hanoi Light chai 355ml (20 chai/kết)			
Bia Hà Nội 1890 chai 330ml (20 chai/kết)			

2. Phương thức nộp tiền cược vỏ chai, kết nhựa:

Bên B thực hiện thanh toán ngay tiền cược vỏ chai, kết nhựa bằng hình thức chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ vào tài khoản của Bên A theo thông tin tài khoản nêu tại Hợp đồng.

3. Thủ tục trả và quyết toán cược vỏ chai kết sẽ được tiến hành ngày cuối cùng của mỗi quý.

4. Cuối mỗi tháng, Hai Bên làm Biên bản đối chiếu và chốt số liệu vỏ chai kết nhựa Bên B cược của Bên A. Căn cứ vào số lượng vỏ chai kết hao hụt, trả cược thiếu (do nhập không đồng bộ) và số lượng vỏ chai kết của khách hàng ngừng giao dịch không còn kinh doanh với Bên B mà không trả cược được, Bên A sẽ xuất hóa đơn bán cho Bên B số vỏ chai, kết nhựa nêu trên theo bảng kê có xác nhận của Bên B.

5. Giá xuất bán cho Bên B bằng giá ký cược và đã bao gồm thuế GTGT và thuế TTĐB; Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản/bù trừ công nợ sau khi nhận được hóa đơn.
6. Trường hợp Bên B gửi báo cáo số liệu vỏ chai kết vỡ, hỏng, mất, không thu hồi được không chính xác, không kịp thời và gây thiệt hại cho Bên A, thì Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại phát sinh.
7. Bên B có thể trả vỏ chai, kết nhựa trước thời hạn. Khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên B, Bên A sẽ hoàn trả lại cho Bên B số tiền cược theo đơn giá quy định tại mục 1 với phương thức thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B theo thông tin tài khoản nêu tại Hợp đồng hoặc bù trừ công nợ với tiền hàng khi Bên B thực hiện mua hàng.
8. Bên A có quyền thay đổi đơn giá nêu trên và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên B tối thiểu 10 ngày trước khi giá mới có hiệu lực. Giá mới sẽ được hai Bên thông nhất thực hiện thông qua Phụ lục hợp đồng.
9. Phụ lục này có hiệu lực từ ngày.....

Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng số.....ký ngày..... và được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản.

BÊN A

BÊN B

NGHỊ QUYẾT**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội sửa đổi lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	625.347.685.547
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020	625.347.685.547
1	Trích lập các quỹ Công ty mẹ	72.002.096.529
1.1	Quỹ đầu tư phát triển	-
1.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ	70.952.247.348
1.3	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.049.849.181
1.4	Quỹ an sinh xã hội (1% LNST)	-
2	Trả cổ tức năm 2020	551.684.000.000
-	Tỷ lệ chi trả (%)	23,80%
3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.661.589.018

Điều 2. Quyết định ký kết Hợp đồng mua bán hàng năm với Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO (Hợp đồng có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng Công ty) theo nội dung Hợp đồng mua bán kèm theo.

Giao Tổng Giám đốc tổ chức việc ký kết Hợp đồng nêu trên đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Tổng Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cổ đông Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HOSE, UBCKNN;
- Lưu VTh, VP.HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đình Thanh